TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Nguyễn Quốc Huân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lợi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị H; Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Bản Ta Cơn, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Ngô Đình Nh; Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Bản Ta Cơn, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị H, anh Nh đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2020 và bản tự khai ngày 06/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Quàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Quàng Thị H và anh Ngô Đình Nh kết hôn với nhau ngày 01/02/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H và anh Nh kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Nh còn có hành vi bạo lực gia đình, chị H đã khuyên nhiều lần nhưng anh Nh không thay đổi. Chị H và anh Nh đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay, từ đó không còn quan tâm đến nhau nữa, chị H xác định không còn tình cảm với anh Nh, vì vậy chị H xin được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị H khai, chị và anh Nh có 01 còn chung là Ngô Thị Như Q sinh ngày 28/9/2010. Khi ly hôn nguyện vọng của chị muốn được nuôi cháu Q cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị H và anh Nh tại Trưởng bản Ta Cơn, xã CS; Chi hội trưởng hội phụ nữ bản Ta Cơn, xã CS; Công an xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Ngô Đình Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đình Nh công nhận anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 01/02/2010 tại UBND xã CS, huyện TG. Anh và chị H kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh Nh cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ chồng đôi lúc có xô xát nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, anh Nh và chị H sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay. Chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống kể từ đó anh Nh và chị H không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh Nh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Anh Nh cũng thừa nhận, anh và chị H có 01 có chung là Ngô Thị Như Q sinh ngày 28/9/2010. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Q cho anh nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Anh Nh cũng thừa nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 06/8/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh Nh và chị H đều có mặt để tham gia phiên họp và hòa giải. Tuy nhiên anh Nh vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị H. Tại phiên họp chứng cứ ngày 06/8/2020 chị Quàng Thị H có yêu cầu Tòa án thu thập ý kiến của cháu Q nên ngày 07/8/2020 Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Q tại Trường tiểu học BM, đồng thời tiến hành xác minh thông tin của cô giáo chủ Nh về việc học tập và phát triển tâm sinh lý của cháu Q. Ngày 10/8/2020 Tòa án nhân dân huyện TG có thông báo

mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần 2, nhưng tại phiên họp và hòa giải lần 2 anh Nh vắng mặt không có lý do. Chị H đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 14/9/2020 mở phiên tòa chị H và anh Nh đều có mặt.

Tại phiên tòa chị H xuất trình thêm 01 giấy xác nhận của Công an xã CS về ngày tháng năm sinh của anh Nh trong Chứng minh thư, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn đều là một người và kèm theo 01 đơn nguyện vọng của cháu Ngô Thị Như Q viết ngày 12/9/2020 cháu Q có ý kiến muốn ở với mẹ.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; *Về con chung*: Giao cháu Ngô Thị Như Q, sinh ngày 28/9/2010 cho chị Quàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về quan hệ tài sản*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí*: Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14. Chị Quàng Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc Nguyên đơn chị Quàng Thị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Đình Nh và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Ngô Đình Nh có hộ khẩu thường trú tại xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị H và anh Nh kết hôn năm 2010, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nh kết hôn ngày 01/02/2010, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H và anh Nh

khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị H và anh Nh là hợp pháp. Chị H có đơn xin ly hôn với anh Nh là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Nh còn có hành vi bạo lực gia đình, chị H đã khuyên nhiều lần nhưng anh Nh không thay đổi. Trong văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân chị H cung cấp cho Tòa ngày 06/7/2020 và tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 31/7/2020 chính quyền địa phương cũng thừa nhận cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Nh có xảy ra mâu thuẫn, hay to tiếng với nhau, nhiều người dân trong bản Ta Cơn đều biết, đặc biệt sau khi anh Nh đi chấp hành án phạt tù ở Trại giam NT về thì cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, anh Nh còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H, thời gian gần đây chúng tôi thấy vợ chồng anh Nh, chị H không chung sống với nhau nữa. Anh Nh không đồng ý ly hôn với chị H vì vẫn còn tình cảm với chị H, tuy nhiên ngoài ý kiến trong bản tự khai và tại buổi hòa giải lần thứ nhất thì anh Nh cũng không đưa ra được biện pháp để có thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị H. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh Nh không nhất trí ly hôn, tại buổi hòa giải lần 2 anh Nh vắng mặt. Ngày 26/8/2020 chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị H xác định không còn tình cảm với anh Nh, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Nh. Trong thời gian ly thân và trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án giữa chị H và anh Nh không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn với anh Nh phù hợp với quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Nh.

[5]. Về con chung, con riêng: Chị H và anh Nh có 01 con chung là Ngô Thị Như Q sinh ngày 28/9/2010. Hiện tại cháu Q đang ở cùng với anh Nh ở bản Ta Cơn, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng ly hôn anh Nh và chị H đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản xác nhận mà chị H cung cấp cho Toà án ngày 06/7/2020 chị H có nguyện vọng nuôi cháu Q, chị H có chứng minh về công việc và nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng là 20.000.000đ đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Q.

Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 31/7/2020 và ngày 03/8/2020 chính quyền địa phương cũng xác nhận trong thời gian anh Nh đi chấp hành án tại Trại Giam NT thì cháu Q ở với chị H, sau khi anh Nh chấp hành án về một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn sau đó sống ly thân thì cháu Q vẫn ở với anh Nh ở bản TC cho đến nay, trong thời gian đó chị H vẫn đi lại thăm hỏi cháu, chăm sóc cháu Q, chị H có công việc và mức thu nhập ổn định hơn anh Nh, anh Nh hay đi làm xa, công việc không ổn định, hay vắng nhà, cháu Q giới tính là nữ nên để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cho cháu Q thì nên giao cháu Q cho chị H nuôi dưỡng. Qua xác minh tại của cô giáo chủ Nh cháu Q tại Trường

tiểu học BM thì cháu Q thời gian gần đây ít nói, không được sôi nổi như trước, cháu Q giới tính nữ, bố cháu hay vắng nhà nên giao cháu Q cho mẹ cháu nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo được điều kiện học tập và tâm sinh lý phát triển của cháu.

Tại đơn nguyện vọng ngày 06/7/2020, ngày 12/9/2020 và trong biên bản lấy lời khai cháu Ngô Thị Như Q tại Trường tiểu học BM, cháu Q trình bày có nguyện vọng xin được ở với chị H, vì chị H có điều kiện chăm sóc cháu nhiều hơn, anh Nh thường xuyên không ở nhà, cháu Q đang ở với anh Nh bởi vì nguyện vọng của cháu Q muốn được ở trong ngôi nhà có cả bố, cả mẹ cháu cùng sinh sống, nhưng do mâu của chị H và anh Nh dẫn đến thiếu đi tình cảm, sự chăm sóc của cả bố cả mẹ đối với cháu. Nhiều lần cháu Q có nguyện vọng muốn xin về ở với chị H nhưng anh Nh không cho.

Anh Nh có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nh có khai anh làm nghề giết mổ và buôn bán với mức thu nhập ổn định trên 15.000.000đ, ngoài lời khai tại phiên tòa thì anh Nh cũng không đưa ra được những chứng cứ gì để chứng minh về điều kiện nuôi dưỡng con chung của mình.

Hội đồng xét xử nhận thấy Chị H và anh Nh đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung, để giành được quyền nuôi con, cha mẹ phải chứng minh mình có đủ các điều kiện kinh tế và tinh thần để tạo cho con môi trường phát triển tốt nhất về mọi mặt, chị H có xác nhận của chính quyền địa phương về mức thu nhập ổn định, hiện tại chị cũng đang sống cùng với bố mẹ tại bản TC, xã CS cũng được coi là có nơi ở ổn định, đối với anh Nh ngoài lời khai tại phiên tòa thì không đưa ra được chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con của mình, mặt khác trong quá trình Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương cũng thừa nhận chị H có công việc và mức thu nhập ổn định hơn anh Nh, anh Nh hay đi làm xa, công việc không ổn định, hay vắng nhà. Xét đề nghị của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, phù hợp với những ý kiến đánh giá và đề nghị của chính quyền địa phương, mặc khác cháu Q là con gái nên cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nhiều hơn, do đó cần tôn trọng ý kiến của cháu Q. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Q, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị H và anh Nh khai tự thỏa thuận không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Vân phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị Vân là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản Bông, xã Quài Tở, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị H được miễn án phí DSST.

[8]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Quàng Thị H được ly hôn với bị đơn anh Ngô Đình Nh.

2. Về con chung, con riêng: Giao cháu Ngô Thị Như Q, sinh ngày 28/9/2010 cho chị Quàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q thành niên và có khả năng lao động. Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Đình Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Ngô Đình Nh lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Quàng Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ngô Đình Nh.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị H và anh Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị H và anh Ngô Đình Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2020).

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã CS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đình Hiếu